

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 13-5-2020

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hằng

2. Bà Ngô Thị Luân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2020 về việc: “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX - ST ngày 19 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Hoàng Xuân N sinh năm: 1988

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã P, huyện L, Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Xóm 3, thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định.

(Chị T có mặt còn anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Hoàng Xuân N xây dựng gia đình với nhau năm 2012 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc, nguyên nhân do anh N thường xuyên đi nhậu, không lo phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi nhau. Do không tìm được biện pháp để cải thiện nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, trong thời gian ly thân thì mạnh ai nấy sống, vợ chồng không

liên lạc, không còn sự quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh N nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Về con chung chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Hoàng Yến Nh, sinh ngày 28/7/2013. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Xuân N trình bày: Anh và chị T xây dựng gia đình với nhau năm 2012, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chị T tự ý bỏ đi nên năm 2014 anh về nhà cha mẹ tại thôn Định Bình Nam, xã Hoài Đức để xây dựng kinh tế riêng. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: Anh N xác định vợ chồng có một con chung là Hoàng Yến Nh, sinh ngày 28/7/2013, khi ly hôn anh N đồng ý giao con cho chị T nuôi, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh N có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N vắng mặt nên không hòa giải được, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh N nhưng anh N không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh N. Về con chung đề nghị giao con chung là Hoàng Yến Nh, sinh ngày 28/7/2013 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: đề nghị buộc chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Xuân N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N xây dựng gia đình với nhau năm 2012 trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 14/11/2012. Quá trình vợ chồng chung sống không hòa thuận hạnh phúc nên chị T làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, chị T xác

định do anh N hay tụ tập bạn bè ăn nhậu, không tu chí làm ăn phát triển kinh tế gia đình, chị đã tìm mọi cách để anh N thay đổi nhưng không được. Do không tìm được cách giải quyết mâu thuẫn nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ giữa năm 2015 cho đến nay, chị T xác định không còn tình cảm với anh N nên chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Còn anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong lời khai của mình anh N cũng đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh N là do anh chị kết hôn khi cả hai tuổi còn trẻ, suy nghĩ chưa chín chắn nên khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng không tìm được cách hàn gắn tình cảm nên trong lúc nóng giận đã có những lời nói xúc phạm đến lòng tự trọng của nhau làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do không tìm được biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng nên vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2015, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T và anh N được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T và anh N có một con chung là Hoàng Yến Nh, sinh ngày 28/7/2013. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, anh N cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy, cháu Nh là con gái, từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Nh vẫn sống cùng với chị T nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con là Hoàng Yến Nh cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị Thanh T, xử cho chị Đặng Thị Thanh T và anh Hoàng Xuân N được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Hoàng Yên Nh, sinh ngày 28/7/2013 cho chị Đặng Thị Thanh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Xuân N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Đặng Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007192 ngày 10/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị T đã nộp đủ án phí.

Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (13/5/2020), còn anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh